

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2022/DS-ST

Ngày 26 – 9 – 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh

Ông Tạ Bửu Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2022/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị U, sinh ngày 29/02/1968

Địa chỉ: Số nhà 1, Phạm Hồng T, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đình C, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 3, Nguyễn Tr, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn H

Địa chỉ: Ấp 4, xã An X, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Ngọc Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 4, xã An X, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hồ Vũ P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Nhà không số, Nguyễn Trãi, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên ngày 15/12/2020 bà U cho anh H và chị Y vay 80.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi vay anh H có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận. Sau khi vay tiền anh H có trả lãi 06 tháng bằng 12.000.000 đồng. Từ tháng 7/2021 anh H và chị Y không trả lãi cũng không trả tiền vay. Vì vậy bà U yêu cầu anh H và chị Y liên đới trả tiền vay 80.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/6/2022 với mức lãi suất 20%/năm bằng tiền là 24.000.000 đồng, trừ tiền lãi đã trả anh H và chị Y còn phải trả lãi 12.000.000 đồng. Tổng cộng bà U yêu cầu anh H và chị Y liên đới trả 92.000.000 đồng.

Đối với bị đơn anh Lê Văn H: Mặc dù anh Lê Văn H đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt mà không có lý do, đồng thời anh H cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị Lê Ngọc Y không thừa nhận có cùng với anh H vay tiền của bà U, vì vậy không đồng ý liên đới với anh H trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà U khởi kiện yêu cầu anh H và chị Ngọc để yêu cầu thanh toán tiền vay 80.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất 12.000.000 đồng, nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định.

[3] Xét yêu cầu của bà U về việc buộc anh H và chị Y liên đới thanh toán số tiền vay 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào biên nhận nợ do bà U giao nộp thể hiện vào ngày 15/12/2020 anh H có ký nhận vay của bà U số tiền 80.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định, anh H và chị Ngọc vay tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến nay anh H và chị Y chưa trả vốn nên yêu cầu trả lại tiền vốn vay. Ngược lại người đại diện chị Y không thừa nhận, tuy biên nhận thể hiện nội dung Huy và Yến vay nhưng thực tế chị Y không biết gì về khoản nợ này, chị Y không ký nhận nợ, không nhận tiền. Do chị Y không thừa nhận có cùng anh H ký nhận nợ, không thừa nhận có cùng anh H vay tiền của bà U, nhưng bà U không có gì để chứng minh anh H và chị Y cùng vay tiền bà U, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở buộc chị Y liên đới cùng anh H thanh toán tiền vay cho bà U.

Do anh H không cung cấp chứng cứ gì thể hiện đã trả tiền vay cho bà U, vì vậy bà U khởi kiện yêu cầu anh H trả lại tiền vay 80.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà U về việc buộc anh H và chị Ngọc có nghĩa vụ trả lãi suất tiền vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xác định đã nhận tiền lãi 06 tháng bằng 12.000.000 đồng do anh H trả, nên có cơ sở kết luận vay có lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu buộc anh H trả lãi suất từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/6/2022 với mức lãi suất 20%/năm bằng tiền là 24.000.000 đồng, trừ tiền lãi anh H đã trả 12.000.000 đồng, xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định, nên nguyên đơn yêu cầu buộc anh H phải trả tiếp tiền lãi 12.000.000 đồng là có căn cứ.

Như đã phân tích tại mục [3], nguyên đơn yêu cầu buộc chị Y liên đới cùng anh H trả số tiền lãi 12.000.000 đồng là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U, vì vậy án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định. Bà U không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U. Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị U số tiền 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị U về việc buộc chị Lê Ngọc Y liên đới với anh Lê Văn H cùng có trách nhiệm thanh toán tiền nợ.

Kể từ ngày bà Lê Thị U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Văn H không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Văn H phải chịu 4.600.000 đồng (chưa nộp). Bà Lê Thị U không phải chịu án phí, ngày 30/5/2022 bà U đã dự nộp số tiền 2.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0001439, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị U, chị Lê Ngọc Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Phạm Việt Trung